

TỔNG HỢP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ THUỘC THỊ XÃ LONG KHÁNH

DVT: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất điều tra				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
III	THỊ XÃ LONG KHÁNH													
18	Đường Nguyễn Trường Tộ	1.600	1.300	900	500	4000				1.600	1.300	900	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Lý Thường Kiệt và hiệu chỉnh theo khung giá áp dụng cho đô thị loại 3
19	Đường Hồ Thị Hương													
	- Đoạn từ đường Không Tử đến giáp Nguyễn Thị Minh Khai	3.800	1.500	1.200	500	9000		1500		3.800	1.500	1.200	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Hồng Thập Tự và hiệu chỉnh theo khung giá áp dụng cho đô thị loại 3
	- Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp cầu Xuân Thanh	2.000	900	700	500	6200		1500		2.000	1.000	800	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Thích Quảng Đức và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn từ cầu Xuân Thanh đến giáp ranh huyện Xuân Lộc	1.500	900	700	500					1.500	1.000	800	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Nguyễn Trãi và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
21	Đường Phan Bội Châu	1.600	1.150	700	500					1.600	1.150	800	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Thích Quảng Đức và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
22	Đường Phan Chu Trinh	1.600	1.250	850	500		2.200			1.600	1.250	850	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Lý Thường Kiệt và hiệu chỉnh theo khung giá áp dụng cho đô thị loại 3
26	Đường Trần Phú													

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất điều tra				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
	- Đoạn từ đường Hồ Thị Hương vào 200m	2.800	800	600	500	6000				2.800	1.000	800	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn tiếp theo đến giáp xã Bàu Trâm	1.500	800	600	500	3900	1900			1.500	1.000	800	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
28	Đường Ngô Quyền (Từ cầu Xuân Thanh đến ngã ba vào nghĩa địa Bào Sơn)													
	- Đoạn từ đường vào nghĩa địa Bào Sơn đến đường Duy tân	1.200	600	400	300	2800				1.200	900	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn từ đường Duy tân đến đường Phạm Thế Hiển	1.400	600	400	300					1.400	900	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn từ đường Phạm Thế Hiển đến giáp cầu Xuân Thanh	1.000	600	400	300					1.000	900	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
29	Đường Phạm Thế Hiển	1.000	800	500	300	2800				1.000	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
30	Đường Nguyễn Chí Thanh	1.000	750	550	300	3500				1.000	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
31	Đường Hồ Tùng Mậu													
	- Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp đường Hồ Thị Hương	2.200	1.800	1.200	500	4500				2.200	1.800	1.200	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Nguyễn Thị Minh Khai và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất điều tra				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
	- Đoạn từ đường Hồ Thị Hương đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.500	750	550	300		2000			1.500	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
32	Đường Phan Đăng Lưu	1.000	750	550	300	3000				1.000	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
33	Đường Hoàng Văn Thụ	1.000	750	550	300					1.000	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
34	Đường Châu Văn Liêm	1.000	750	550	300	3000				1.000	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
35	Đường Ngô Gia Tự	1.000	750	550	300					1.000	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan
36	Đường Hà Huy Giáp	1.000	750	550	300					1.000	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan
37	Đường Lý Tự Trọng	1.000	750	550	300	2700				1.000	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
38	Đường 9 tháng 4	1.500	1.200	800	400	4000	2600			1.500	1.200	800	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
39	Đường Trần Văn Thi	1.300	850	650	300	2500				1.300	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
40	Đường Lê Văn Vận	1.300	850	650	300	2500				1.300	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất điều tra				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
41	Đường Phạm Lạc	1.300	850	650	300	2500				1.300	850	700	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
42	Đường Huỳnh Văn Nghệ	2.200	1.500	1.200	800					2.700	1.500	1.200	800	Đề xuất tăng do đường mới nâng cấp, giá đất thị trường biến động tăng hơn 20%
43	Đường Đào Trí Phú	2.300	1.600	1.100	800	6500	3500			2.800	1.600	1.100	800	Đề xuất tăng do đường mới làm, giá đất thị trường biến động tăng hơn 20%
48	Đường Chu Văn An													
	- Đoạn từ đường Võ Duy Dương đến giáp đường 21 tháng 4	2.000	1.500	1.100	500	3500	2300			2.000	1.500	1.100	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
50	Đường Phạm Ngọc Thạch													
	Đoạn từ đường 21 tháng 4 đến đường Lương Đình Của	2.000	1.500	1.100	500					2.000	1.500	1.100	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
53	Đường Phạm Ngũ Lão	2.000	1.500	1.100	400					2.000	1.500	1.100	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
56	Đường Phan Huy Chú	1.500	1.100	800	300	3300				1.500	1.100	800	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
57	Đường Lê Hữu Trác	1.500	1.100	800	300	2300	1500	1200		1.500	1.100	800	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
58	Đường Lương Thế Vinh	1.500	1.100	800	300	2800	1500			1.500	1.100	800	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan
59	Đường Đoàn Thị Điểm	1.500	1.100	800	300					1.500	1.100	800	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất điều tra				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
60	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn qua phường Xuân Bình)	2.000	1.500	1.100	400					2.000	1.500	1.100	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
61	Đường Võ Duy Dương	2.000	1.500	1.100	400					2.000	1.500	1.100	550	Giữ nguyên giá để ổn định so với khu vực, Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
62	Đường Lương Đình Của	2.000	1.500	1.100	400					2.000	1.500	1.100	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
63	Đường Nguyễn Trung Trực													
	- Đoạn đầu đến giáp đường Hồ Thị Hương	2.000	1.500	1.100	500	4500	3500			2.000	1.500	1.100	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn từ đường Hồ Thị Hương đến giáp Cầu Suối Cải	1.500	1.200	800	300		2000		1500	1.500	1.200	800	550	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3